

PHẬT-GIÁO HỘI

ASSOCIATION BOUDDHIQUE



ĐUỐC - TUỆ

TUẦN BÁO RA NGÀY THỨ BA

Báo quán ở chùa Quán-Sứ phố Richaud, Hanoi

慧 燦 報

Chủ nhiệm
NGUYỄN-NANG-QUOC
Chủnh hội trưởng
hội Phật-Giáo

Quản lý
CUNG-DINH-BINH

Chánh chủ bút
PHAN-TRUNG-THU
Sư cụ chùa Bằng-Sở

Phó chủ bút
DUONG-VAN-HIEN
Sư cụ chùa Tế-Gát



GIÁ BÁO :

CẢ NĂM : 1 \$ 00 — NỬA NĂM : 0 \$ 50 — MỖI SỐ : 0 \$ 03

HỘP THU'

Ông Dương-nguyên-Hiền, Tân-châu, Cochinchine. Ông có thư nói muốn làm đại-lý cho bản-báo, xin cảm ơn và xin ông cứ vui lòng cử-động người mua báo gửi ra cho.

Ông Thanh-Cường, Bảo-lộc, Bến-tre Cochinchine, xin cảm ơn ông đã phát tâm cử-động cho bản-báo. Mong ông cứ cử-động cho được nhiều người mua báo nữa.

Ông Đặng-dinh-Thanh, Hải-dương, xin ông vui lòng giới-thiệu người mua báo gửi về cho bản-báo.

Ông Lê-thành-Tuân, Huế, ông có thư nhận làm đại-lý bán báo cho bản-báo, chúng tôi đã gửi báo về để ông bán giùm, xin cảm ơn ông.

Ông Nguyễn-công-Báo, ông có thư giới-thiệu 30 độc-giả cho bản báo và khuyên nên dịch Phật-học từ-diễn. Trong báo « Đuốc-Tuệ » đã có mục Phật-học danh-từ đầy túc cũng là Phật học từ-diễn. Xin cảm ơn ông có lòng chỉ giáo và mong ông cứ hết sức cử-động người mua báo gửi về cho bản-báo.

Cụ Khánh-Anh, chùa Long-phước Trà-vinh (Cochinchine), cụ gửi tiền mua báo 2 năm, chúng tôi đã nhận được và đã gửi báo vô hầu cụ xem rồi. Xin cảm ơn cụ, mong cụ phát tâm cử-động giùm cho.

Ông Bùi-đức-Thiện, Thái-bình. Bài ông gửi lên đăng báo, chúng tôi đã nhận được xin cảm ơn.

Ông Nguyễn-thượng-Cần, Hoàng mai. Bài ông gửi đăng báo, chúng tôi đã nhận được, xin cảm ơn.

Kính trình các vị chánh đại-biểu đại-lý hội Phật-giáo ở các địa phương

Chúng tôi xin gửi ngài một quyển biên-lai nhận tiền báo để ai gửi trả tiền báo thì ngài biên-lai thu giùm cho. Trong số hội-viên ở địa-phương ngài ai chưa mua thì xin ngài gia công khuyến hóa giúp, rất cảm ơn ngài.

BA MÓN TU-LƯƠNG SANG TỈNH-ĐỘ

(Bài diễn văn của sư cụ Tăng-Cang Phúc-chính diễn tại chùa Hội-quán Ninh-bình)

(Tiếp theo kỳ trước)

NAY muốn biết cho tường « tác-phúc » là phải làm những việc gì, tôi xin dẫn một bài kệ « tác-phúc » trong sách « Tịnh-thử vãng-ngữ » như sau này :

Hiếu thuận phụ mẫu,

孝順父母

Trang tở Phật tượng,

裝塑佛像

Trai cúng tăng già,

齋供僧伽

Doanh-tu tự vũ,

營修寺宇

Cấm tuyệt lễ sát,

禁絕宰殺

Phạn thực cơ dân,

飯食饑民

Khai quật nghĩa tỉnh,

開掘義井

Bình xẻ nh i đạo,

平砌街道

Khán liệu bệnh nhân,

看療病人

Thân tuyệt oan uổng,

伸雪冤枉

An dưỡng suy lão,

安養衰老

Trung báo quân vương.

忠報君王

Ấn tạo kinh điển.

印造經典

Kính sự sư trưởng.

敬事師長

Lưu thông thiện-pháp.

流通善法

Mãi phóng sinh-mệnh.

買放生命

Y tế hàn đông.

衣濟寒凍

Tu lý kiều lương.

修理橋樑

Phổ thí trà thang.

普施茶湯

Cấp tán dược nhị.

給散藥餌

Xuất giảm tình tội.

出減情罪

Phủ dục cô hài.

撫育孤孩

Mai tàng thi cốt,
埋藏屍骨
Nhiều miễn trái phụ,
饒免債負
Hoàn tho di thất,
還他遺失
Kỳ nương tai nạn,
祈禳災難
Khuyến hòa tranh tụng,
勸和爭訟

Cấp dữ quan mộc.
給與棺木
Nghĩa nhượng tài sản.
義讓財產
Cứu tế hoạn khổ.
救濟患苦
Tiến bạt vong hồn.
薦拔亡魂
Sinh toàn nhân mệnh.
生全人命

Nghĩa là :

Hiếu với cha mẹ.
Sơn đắp tượng Phật,
Cúng trai chư tăng,
Sửa dựng chùa chiền,
Cấm tuyệt sát-sinh,
Cho kẻ đói, cơm.
Đào giếng nước công,
Mở rộng đường xá,
Chữa người tật bệnh,
Gỡ khỏi oan-ửng,
Nuôi người già yếu,
Đắp diêm hát-cốt,
Tha nợ nần cũ,
Giả của bỏ quèn,
Lễ giải tai ách,
Khuyến hòa kiện-cáo,

Trung với nước nhà.
In phát kinh sách.
Kính thờ sư-trưởng.
Truyền-bá pháp hay.
Mua thả vật sống.
Dùp người rét, áo.
Bắc cầu đắp bờ.
Phát cho nước uống.
Cấp cho thuốc-thang.
Giảm nhẹ tội hình.
Nuôi trẻ bỏ côi.
Phát cho quan-tài.
Nhường cửa-cải chung.
Cứu kẻ hoạn-nạn.
Cần độ vong-hồn.
Giữ toàn mệnh người.

Những sự tác-phúc như thế, đều là những sự lợi-ích cho chúng-sinh, làm được càng nhiều, công-đức của mình càng to, mà làm được việc nào cho trọn- vẹn cũng đều là qui-hóa cả. Làm phúc phải tốn công lớn của, có khi vất-vả nguy-hiểm đến bản-thân, nếu không có đủ những đức-hạnh kiên-nhẫn, thì sao làm nên việc. Vậy thì biết « hạnh » thực là món tư-lương thứ hai về lĩnh-độ không thể thiếu được.

Thế nào là nguyện ? — nguyện là mình tự phát-nguyện,

quyết làm cho nên công việc, cho thành chí lớn của mình. Tức là cái chí muốn thành Phật Thánh, chí muốn sinh về cõi Cực-lạc phương tây.

Muốn thế, trước phải sám-hối, sám-hối là tự mình ăn-năn tội lỗi mình đã tạo tác từ trước đến giờ, các tội lỗi về *tham, sân, si* do ở *thân, khẩu, ý* mà ra, đều xin nguyện trước Phật để trừ bỏ hết.

Minh đã trừ bỏ hết tội lỗi rồi, bấy giờ mới phát-nguyện làm mọi điều lành, tu mọi điều hay, cho thành quả phúc. Tức như bài *Phát-nguyện* của Tổ-sư Vân-thê có nói rằng :

« *Tôi vì khắp chúng-sinh trong pháp-giới, bốn ân ba cõi, cầu xin chư Phật cho đều được phát tâm bồ-đề là tâm của bậc nhất-thặng, bậc cao-siêu trên hết. Chuyền tâm trì niệm tôn-hiệu đức Phật A-di đã là một hồng-danh đủ muôn vàn đức tốt, mong đều được sinh về cõi Tịnh-độ.*

« *Tôi với mọi chúng-sinh, từ đời khoáng-kiếp tới nay, làm mê mất bản tâm, dong-tung tham, sân, si để nhiễm nên ba cái nghiệp-trướng. Đã làm ra không biết bao nhiêu là tội ác, kết nên không biết bao nhiêu là oan-nghiệp. Nay xin liền diệt hết.*

« *Từ nay tôi xin thề một cách thâm-thiết, thề xa lìa mọi việc ác không dám làm nữa. Thề cần tu đạo thành, không dếm tười-biếng. Thề tu cho thành bậc chính-giác, thề lễ-độ cho khắp chúng-sinh...»*

Ấy nghĩa phát-nguyện là thế, không những nguyện cho mình, mà nguyện cho khắp cả chúng sinh. Có độ được chúng-sinh mới độ được cho mình. Vậy biết *nguyện* thực là món tư-lương thứ ba sang Tịnh-độ không thể thiếu được.

Tóm lại ba món tư-lương về Tịnh-độ trên ấy, *hạnh* là một món cần-thiết hơn hết. Có *tin* có *nguyện*, nhưng không đủ *hạnh* làm nên quả phúc, thì *tin* chỉ là *mé-tín*, chứ không phải là *chính-tín*, *nguyện* chỉ là *hư nguyện* chứ không khi nào được *phủ-nguyện*. Xem thế thì biết rằng người nào bô-bô một mình, ngồi yên một nơi, đêm ngày chỉ chăm-chăm cầu nguyện siêu-độ lấy một mình về nơi Tịnh-độ, mà không từng làm được một mảy-may việc phúc-đức gì cho đời,

quyết người ấy không khi nào thành chí-hoàn-quả, mẫn-nguyên
minh được.

Ôi, Tĩnh-độ là cõi đất thanh-tịch, quang-minh, yên-tĩnh
vô-cùng. Tĩnh-độ tức là nước Cực-lạc, nơi sung-sướng vui-
thú đời đời chẳng cùng.

Nhưng ta phải có đủ tư-lương lộ-phí, mới có thể đi một
cách ung dung thẳng bước mà tới nơi được. Bởi vậy, tôi đã
kê ra ba món tư-lương lộ-phí như trên ấy, và mỗi món
phải cần dùng đến những điều cốt-yếu gì, là mong rằng để
cho bạn-tặng đây cùng các ngài, các thiện-tín, chúng ta ai
nấy đều biết mà tự lo liệu, sắm sửa, dự-bị sớm, lấy đủ ba
món tư-lương ấy đi. Đức Phật A-di-đà ngài linh-thông hiểu
biết hết thảy, ngài đã hiểu biết và chứng-minh cho trong
chúng ta ai là người đã sớm lo-liệu, sắm-sửa, dự-bị đủ ba
món tư-lương ấy rồi, thì sau khi mãn quả đầy thuyền, đấng
Đạo-sư A-di-đà-Phật ngài tất không quên và tiếp rước ta
về nơi Tĩnh-độ Cực-lạc của ngài.



Truyện Trúc-lâm tam-tố

(Tiếp theo kỳ trước)

Bây giờ tôi xin kể đến sự tích ngài Huyền-quang Trúc-lâm đệ tam tổ.

Ngài người làng Vạn-tái, tỉnh Bắc-giang; đời ông Thủy-tổ là Lý-ôn-Hòa làm quan hành khiển triều nhà Lý; truyền đến ông Tuệ-tổ là ông thân sinh ngài, đánh giặc Chiêm-thành có công, không chịu ra làm quan, ở nhà vui-thú điền-viên, ham xem kinh sách. Mẹ ngài là họ Lê, tỉnh nghệ hiền-hoà, thờ công có hiếu thuận, năm 30 tuổi chưa sinh, thường cầu tự ở chùa Ngọc-Hoàng. Một ngày giờ mùa hè nóng nực, bà nằm nghỉ mát ở chùa, vừa thiu-thiu ngủ, chợt thấy một con hầu to đầu đội mũ triều-thiên, mình mặc áo hoàng-bào, bưng một vầng thái-dương đỏ rực ném vào lòng bà; bà kinh thức dậy, trong mình thấy khác, về nói chuyện với ông. Ông bảo rằng: 3 : ném mặt giới vào bụng, tất nhiên là điềm hay. Quả nhiên từ đấy bà có mang, 12 tháng sinh ra ngài; ngài hình-dung kỳ vĩ, tướng-mạo khôi-ngô; nhớn lên tư tính thông-minh, học một hay mười, ngài tên là Lý-tái-Đạo. Năm 20 tuổi, ngài đỗ khoa hương, rồi lại đỗ đầu khoa hội, (tức như trạng-nguyên các triều khác). Khi ngài chưa đỗ cha mẹ đã có ý định hôn cho ngài, nhưng mà nhân-duyên trắc-trở không thành, đến khi ngài đỗ, các nhà quyền-quí đều tranh nhau gọi gả, nhà vua cũng gọi gả bà Liễu-nữ công-chúa cho, nhưng ngài nhất-thiết từ chối.

Nhân cảm khái về nỗi nhân tình thế thái, ngài có khẩu-chiêm một câu rằng :

Khó-khăn thì chẳng ai nhìn,

Đến khi đỗ trạng tám nghìn nhân duyên.

Ngài có ý chán đời, cái chí-nguyện tu-hành đã mạnh nha từ đấy.

Đỗ được ít lâu, thì có chỉ bổ làm quan, sung chức Nội-hàn, phụng mệnh ra tiếp sứ Tàu; văn thư vãng-phục, đều ở tay ngài; viện dẫn kinh nghĩa, ứng đối như nước chảy, ngôn-ngữ văn-chương ngài người Tàu cũng kinh-phục.

Ngài tuy có tài lỗi-lạc, mà không chí công danh, một ngày theo vua Anh-tôn đến chơi chùa Vĩnh-nghiêm, thấy ngài Quốc-sư Pháp-loa thuyết pháp, ngài bèn giác ngộ tiền-duyên, phát nguyện tu hành, dâng biểu xin từ chức ; nhà vua bấy giờ đang tôn-sùng Phật đạo, nên cũng chuẩn y cho.

Ngài xuất gia thụ giáo ở ngài Pháp-Loa, lấy hiệu là Huyền Quang. Vua Anh-tôn thường khen rằng : người này có Đạo-nhãn, thực là một bậc Thánh-lãng. Ngài trụ-tri ở chùa Vân-yên núi Yên-tử, xem rộng học nhiều, tinh-thông giáo-lý, tăng ni theo học, đến hơn nghìn người, Ngài thường cùng đức Điều-ngự và ngài Pháp-Loa đi du hành khắp các danh-lâm trong nước, thuyết pháp giảng kinh.

Văn-chương ngài hay lắm, thường phụng sắc-chỉ soạn chư phẩm kinh và tập công-văn, vua Anh-tôn ngự bút ban phê rằng : « Phàm những văn-từ đã qua tay Huyền-Quang thì một chữ cũng không thể thêm bớt được », bèn sai ấn-hành.

Năm Qui-mão, ngài về kinh triều hạ, rồi đến chùa Báo-ân giảng kinh Thủ-lãng-nghiêm, rồi ngài dâng biểu xin về quê thăm phần mộ cha mẹ, lập chùa, in kinh, mở pháp-hội bá thí cho kẻ nghèo túng, làm những việc công đức rất nhiều.

Đến năm Quý-sửu, bấy giờ ngài 60 tuổi thì xảy ra câu chuyện sau này :

Một ngày, nhân buổi nhân hạ, vua cùng các quan ngồi nói truyện, nhân nói đến truyện tăng đạo, vua bảo thị-thần rằng : người ta sinh ra trong giới đất, không ai lọt khỏi vòng âm dương, thích của ngon, ưa sắc đẹp, cái tình dục ấy ai mà không có, chúng ta sở dĩ phải đẹp cái lửa tình đi, chẳng qua vì lòng mê-dạo, nên phải đem cái đạo-tâm mà át cái dục-tâm đi đó thôi. Nay ta xem như lão-tăng Huyền-quang từ lúc sinh ra đời, không nhiễm một chút tình dục nào cả. Chẳng biết rằng có quả người ấy không dục-tình chẳng ? hay là có tình-dục mà dè nén đi chẳng ?

Bấy giờ có một ông quan văn đứng bên trái rằng :

Về hùm, về được da, lông,

Biết người, biết mặt, biết lòng làm sao.

Nếu bệ-hạ không tin, xin thử thì khắc biết.

Vua cho lời đầu của viên quan ấy là phải, bèn kén một người cung-nữ tên là Diễm-Bích, tuổi vừa mười chín,

nhan sắc tuyệt vời, lại có tài ngôn-ngữ, văn thơ, trong cung thường xưng là thần-dồng nữ. Vua trao cho thị ấy một bản thủ-trát trong nói rằng: Lão-tăng Huyền-quang vốn không sắc-dục, tính lại cương-ngạnh, giữ giới hạnh rất nghiêm, người có nhan sắc, lại có ngôn từ, ta cho lên núi Yên-tử để thử người ấy xem, nếu làm cho người ấy động-tình được, thì đồ lấy lạng vàng cầm về làm tin (nguyên trước nhà vua có lạng quốc-sư mấy lạng vàng) nếu man trá thì có tội.

Thị-Bích lĩnh chỉ đem một con tiều-li đi theo, đến chùa Văn-yên, vào yết-kiến một bà tỉ-khuru-ni, khai rõ hương-quán, trụ-chỉ và nói rằng có lòng muốn xuất gia tu đạo đến nhờ bà dẫn vào xin thụ-giới đức quốc-sư. Bà Tỉ-khuru-ni thấy người nét-na thủy-mị, cho ở lại chùa, thường sai Thị-Bích dâng trà thang lên cúng ngài Huyền-quang, ngài xem người ấy có vẻ phong tình, không phải con nhà tu đạo, bèn nghiêm trách bà Tỉ-khuru-ni phải đuổi Thị-Bích hoàn tục.

Thị-Bích thấy ngài giới-hạnh nghiêm-mật, khó lòng lấy sắc đẹp mà cảm dỗ, bèn nghĩ ra một kế, đang đêm năn-nỉ khóc với bà Tỉ-khuru-ni rằng: tôi vốn nhà ở Đường-an, con nhà thi-lễ, cha làm quan Huyện, ở huyện Cẩm-hóa, thu thuế của dân được 15 dật vàng, đem về kinh nộp, chẳng may đi giữa đường bị quân gian cướp mất, không lấy gì nộp được; các quan bộ hộ thương tình cho khất đến cuối năm, nếu không nộp được, sẽ phải trọng tội. Vì thế tôi phải đi phả khuyến thập-phương, nhờ công đức các ngài tư giúp cho cũng nhiều, nhưng cũng còn thiếu; nay nghe tôn-đức đạo cao đức trọng, rộng lượng từ-bi, cho nên tôi lặn lội tới đây, mong rằng hầu hạ sớm hôm, rồi trình bạch phả-khuyến, đề ngài xét đến khổ tình mà bố-thi cho, không những cha tôi khỏi tội mà toàn-gia nhà tôi cũng được đội ơn mà khỏi cái họa tan nguyê xé đàn, thực là cái ơn cốt nhục tử sinh, mà chúng tôi sẽ ngậm vành kết cỏ đời đời không bao giờ dám quên.

Các tăng-ni nghe nói thương tình đều bạch ngài gia ơn bố-thi để cứu mạng cho kẻ nhi-tử trong bước khốn cùng. Ngài ngẫm nghĩ hồi lâu rồi nói rằng: Ngày xưa vua Hán Văn-đế cảm nhờ nói năng Đề-oanh mà trừ nhục-hình;

vua Đường Thái-tôn xem đồ Minh-đường mà cảm hình đánh tưng; hai vua đều thể lòng hiếu-sinh của Thượng-đế cho nên con cháu hưởng phúc đời đời.

Nếu quả người ấy oan tình như vậy, ta sẽ thân hành về kinh tâu nhà vua tha tội cho. Bấy giờ có người tiểu-lăng hầu bên bạch rằng: Luật-pháp là của chung thiên-hạ, kẻ kia không cần thủ, đến nỗi phạm pháp, đó là lẽ công, nếu ta lấy ơn riêng mà bỏ lẽ công không nên. Ngài nghe nói trăm-ngân rồi quyết-định không về kinh nữa, mới đem một dật vàng cho Thị-Bích về chuộc tội cho cha.

Thị-Bích được vàng rồi, về kinh tâu vua rằng: Thiếp-phụng chỉ đi thử Quốc-sư Huyền-quang, đến chùa Vân-yên, nhờ một người Tỉ-khuru-ni xin vào qui-y học đạo Quốc-sư. Tỉ-khuru-ni thường sai thiếp dâng chè thang lên cúng Quốc-sư, đã hơn một tháng, Quốc-sư không khi nào đoái nhìn đến. Một đêm kia, Quốc-sư lên Phật-đường tụng kinh, đến canh ba thì xong, Quốc-sư và tăng-ni đều về phòng nghỉ, thiếp bèn đến bên tăng-phòng đứng nghe thì thấy Quốc-sư ngâm câu kệ rằng:

*Vắng vắng giăng mai ánh nước,
Hiu hiu gió trúc ngậm senh.
Người hòa tươi tốt, cảnh hòa xinh.
Mẫu Thích-ca nào thủ hữu tình*

Ngâm đi, ngâm lại hai ba lần. Thiếp bèn lân-la vào tăng-phòng lấy từ Quốc-sư về nhà thăm cha mẹ. Quốc-sư giữ thiếp ngủ lại đến một đêm, cho thiếp một dật vàng. Nói rồi đưa vàng lên trình.

Vua nghe xong, có ý hối-hận không vui, than rằng: việc này nếu có thì là tự ta vô-cố đặt lưới để lừa chim, nếu không có ra nữa thì người kia cũng không khỏi được sự ngờ qua ruộng dưa mà chữa dếp, thực là lỗi ta vậy. Rồi ngài truyền mở đại hội Vô-già, sai sứ thỉnh Quốc-sư về hành lễ, cà-sa, y bát và các đồ pháp-khí đều dùng đồi mồi, vàng bạc, châu ngọc để trang sức.

Ngài thấy lệnh-chỉ liền về kinh yết kiến vua. Khi hành lễ, ngài thấy đàn tràng đều dùng gỗ phớ bầy, lễ phẩm thì

xen lẫn cả các đồ tạp-vật, ngài hiểu ngay là bị con Thị-Bích lừa dối, bèn ngửa mặt lên trời than thở, lên đàn ba lượt, xuống đàn ba lượt, rồi đứng giữa đàn, vọng bài hiền thánh bốn phương, tay tả cầm bình bạch ngọc, tay hữu cầm cành dương-liễu, mặt niệm phủ trú, sắc tịnh đàn tràng; chợt có một đoá mây đen từ phương đông hiện ra, cát bụi bay mù giời; trong đàn các thức tạp-vật đều biến hết, chỉ còn các đồ hương hoa lục cúng; ai nấy thấy sự lạ lòng đều lấy làm kinh dị. Vua thấy đạo pháp của ngài cảm động thiên địa như vậy, tức thì bài tạ và xin lỗi ngài rồi trích Thị-Bích xuống làm một con thị-tì quét dọn ở cung Cảnh-linh trong điện. Từ đấy vua càng thêm tôn kính ngài Huyền-quang, xưng là Tự-pháp.

Sau ngài trụ-trì ở chùa Thanh-mai 6 năm, rồi lại trụ-trì ở chùa Côn-Sơn; lập cây cửu-phẩm liên-hoa, giảng đọc kinh sách, đề dạy môn-dồ. Đến ngày 23 năm Giáp-tuất thì ngài viên-lịch ở chùa Côn-sơn; môn-dồ dựng tháp ở ngay sau chùa; nhà vua có ban cấp cho mười lạng vàng và tự-diễn 150 mẫu. Thụy ngài là Trúc-Lâm thuyên-sư đệ tam đại đệ pháp Tự-pháp Huyền-quang tôn giả.

Tập kỷ lục về sự tích ngài, khi nước ta thuộc Tàu về triều Minh, quan Thượng-thư Tàu là Hoàng-Phúc chiếm được đem về Tàu; sau thường thường năm mộng thấy ngài đòi hỏi, bắt phải giả về Bản-quốc; con cháu Hoàng-Phúc phải ký đảo lập chùa ở làng thờ, đề biền là « An-Nam Thuyên-sư Huyền-quang tự. » Đến Năm Gia-tĩnh, nhân có sứ ta sang Tàu, cháu Huyền-Tôn Hoàng-Phúc là Hoàng-thừa-Tồ mới đem bản phả lục ấy gửi về giả. Xem thế thì đủ biết rằng Đạo-pháp của ngài không những lúc sinh-thời được tôn trọng mà đến sau khi tử-hậu cũng vẫn còn oai linh.

Nay xét lại câu chuyện nhà vua sai thị-Bích đi thử và những việc đàn tạp hoá chay chẳng qua là kẻ hiểu sự bày đặt ra cho có vẻ Thần-kỳ; rồi người sau theo dẹt mãi ra, thậm chí có kẻ vô-đạo đặt những câu chế diễu như bài trần-linh của Quốc-sư có câu rằng :

*Tinh sư nghĩ cũng nên thương,
Rộng dong trông lượng quân vương được nhờ.*

Đến đời nhà Lê, một nhà Sử-học là ông Ngô-thời-Sĩ có làm ra bài Huyền-quang hạnh giải, bác câu chuyện đó là hoang đường ; từ đó cái nghi-án nghìn thu mới phá tan mà lòng nghi hoặc của người đời mới giải thích được.

Nay ta cứ lấy lẽ công bằng mà phán đoán thì ngài Huyền-quang là một người khoa-giáp xuất-thân, lại sung chức văn-hàn, quan sang tuổi trẻ, vinh hoa phú quý nường nào ! nếu phải là người ham danh lợi thanh sắc thời đã chẳng bỏ quan chức, dứt tình dục mà đi tu-hành, cái phẩm hạnh cao-kỳ như thế, nghìn thu hiếm có, nhà vua há chẳng biết hay sao ?

Lại xem đức vợ, phẩm-giá của ngài ở đương-thời vua Nhân-tôn đã phải khen là pháp-khi và ngự phê khen rằng : « Phẩm những khoa-giáo đã qua tay Huyền-quang thì không còn thêm bớt được lấy một chữ. »

Huống chi bấy giờ ngài đã 60 tuổi, chắc nhà vua không còn đem cái sự thanh sắc tâm thường ấy mà ngờ cho một vị quốc-sư xuất trần tuyệt tục, trau dồi đạo đức đã đến tuần đầu bạc răng long, và xem trong truyện chép thì khi Thị-Bích đến, ngài trông thấy người không có vẻ đoan-trang đã bắt đuổi đi thì đời nào lại còn cho gần gũi nơi giảng-chiêu mà làm ô-uế chỗ không-môn nữa.

Nay ta đọc sách cũng không nên tin sách hết cả, phải lấy lý mà phân biệt chân ngụy, thực hư. Ông Mạnh-tử nói rằng : « Tận tín thư bất như vô thư » thực là chí-ly.

Thưa các ngài,

Giờ lên là sự tích các đức Tồ-sư triều nhà Trần mà tôi đã lược dịch ở trong pho Tam-tồ thực-lục ra, các ngài nghe đó đủ biết Phật giáo bấy giờ thịnh-hành là chừng nào ! và nhân-vật trong thuyền-lưu lỗi-lạc là chừng nào ! tới nay, bóng người đã khuất mà gương đạo chưa mờ, tia sáng của đạo-học mà còn rọi lại đến giờ không đến nổi tiêu-diệt, há không phải là nhờ công của các vị đại-đức đó ư ?

Nay đương buổi đạo-pháp trùng-hưng, ta nên soi gương sáng của các ngài mà vun đắp lấy nhân-tài để tạo-thành lấy những tay pháp-khi thì giáo-ly mới xương-minh mà Phật-giáo mới ngày càng hưng-thịnh được.

BÙI-ĐỨC-TRIỆU

Thái-bình

BỔ=THÍ

*Bài diễn-văn của quan Bổ-chánh Nguyễn-huy-Xương
diễn tại chùa Vô (huyện Hải-an, Kiến-an).*

Nhân việc khai diễn-đàn là việc bổ-thí mà là bổ-thí cho
tinh-thần, là công-cuộc rất to lớn, nên tôi chọn ngay đầu
đề hai chữ bổ-thí mà diễn-giảng.

Bổ-thí. — Chữ *Bổ* là rộng, là khắp mọi nơi; *thí* là cho,
là phân ra; hai chữ ấy nghĩa thế nào các ngài vốn đã hiểu
rồi, bất-tất phải giải-thích nhiều.

Phật giầy phép tu-hành lên Bồ-tát có sáu bậc (Lục-đô)
thì bổ-thí là bậc đầu tiên rồi mới đến tri-giới, tinh-tiến,
nhân-nhục, trí-tuệ, thuyên-định.

Vậy bổ-thí là điều rất cần cho nhà tu-hành mà lại là
một điều có ảnh-hưởng rất hay đến xã-hội nữa.

Trong thế-gian chúng-sinh đều khổ, nơi khổ ít nơi khổ
nhiều thì bất-cứ ai cũng phải có lòng bổ-thí mới là người
được, mà chúng ta là con nhà Phật thì hàng ngày phải lo
bổ-thí cho thành quả phúc; vì rằng: đã biết có nhân-quả
thì ta phải gây lấy nhân tốt để sau có quả hay; đã biết có
luân-hồi, ta tất phải sống hết kiếp này sang kiếp khác, thế
mà nếu kiếp này đã không lo tu-nhân tích-đức thì mong
sao kiếp sau được hưởng phúc lành. Nói đến phải bổ-thí
hàng ngày tất các ông các bà tự hỏi rằng « kẻ có tài có lực
mới bổ-thí được, còn đến như người cùng túng thì bổ-thí
làm sao, lấy gì mà bổ-thí? » Tôi xin thưa rằng: Bổ-thí cốt
ở lòng thực thương chúng sinh. Không cứ phải có tài có lực
mới làm nổi. Nếu ta chân tâm thương xót chúng sinh,
thương xót nhân loại, thương xót chúng tộc thì bất cứ
việc gì nhón nhỏ, ta thấy là việc có thể ích lợi cho chúng
sinh, bớt khổ cho chúng loại, ta hết sức làm; ta làm
được đến đâu ta phải làm đến đấy; như vậy ta cũng

được công quả rất to, chứ có phải cứ có tiền tài, có thực phẩm tung tán ra cứu giúp kẻ khác mới là bố-thi đâu.

Phật-gia chia bố-thi ra làm 6 hạng ; bởi trong người ta có lục căn : hay là lục trần là nhãn (mắt), nhĩ (tai), tỷ (mũi), thiệt (lưỡi), thân (thân-thể) ý (ý-nghĩ) cho nên có 6 điều muốn lục-dục như mắt ưa thích cái đẹp ; tai ưa thích nghe những tiếng hay, giọng ngọt ; lưỡi hay là miệng thích ăn những vị ngon ngọt, hoặc chua cay ; thân-thể ưa những cái trang hoàng lịch sự, ưa dùng những đồ tơ lụa vân vân ; ý nghĩ thì thích được danh giá, quyền thế vân vân

Bởi có lục-căn sinh ra lục-dục như thế, cho nên bố-thi cũng chia ra làm 6 hạng là : sắc-thi, thanh-thi, hương-thi, vị-thi, xúc-thi, pháp-thi, đề đối với lục-dục.

Sắc-thi. — là thế nào ? Chữ sắc của nhà Phật là gồm cả các cái trông thấy như là bức tranh vẽ khéo, pho tượng tạc khéo, các thứ kỹ-xảo, các đồ mỹ-thuật, các châu-báu, các thứ cây cỏ hoa lá, sông, núi, phong-cảnh, đèn đài đều là sắc cả. Sắc tức là hình sắc của các thứ, chứ không phải nói riêng một nữ-sắc mà thôi đâu. Vì như ta giồng được vườn hoa đẹp cho thiên-hạ ngoạn cảnh, có đồ mỹ-thuật bày ra cho người xem quên được phiền-não đi phút chốc, như thế là sắc-thi. Nhưng sắc-thi không gì bằng vẻ mặt con người ta. Ta chớ nên vì giàu có, hoặc vì quyền quý, mà làm ra vẻ mặt kiêu căng, đã không ích-lợi gì cho ai, mà lại mua lấy cái căm cái ghét của người khác vào mình. Nếu ta biết giữ lấy vẻ mặt tự-nhiên bình-tĩnh khiêm-tốn, làm cho nhân vật hoàn-cảnh ta được vui vẻ, khỏi phải hờn phận tủi duyên, tức là một cách bố-thi rất quý báu. Tôi ước ao rằng các bà, các cô có tư-dung diễm-lệ, nên hiểu thấu lẽ đó mà đem nét mặt tự-nhiên vui vẻ, nụ cười tươi tỉnh đối đãi với kẻ khác cho người kém phận kém duyên khỏi cực khổ, cách bố-thi ấy rất dễ dàng, nếu không làm chẳng đáng tiếc lắm ru.

Thanh-thi — là lấy lời nói, tiếng hát, tiếng đàn mà giải phiền não, diệt sầu khổ cho chúng sinh, ví như đi quãng đường giải, mọi người cùng mỏi mệt, gặp ai có giọng hay, cất tiếng hát làm cả đoàn cùng vui vẻ, thế tức là thanh-thi.

Hoặc ta thấy người khác gặp cảnh sầu bi, ta lấy lời khuyên giải, hoặc đối với người nghèo hèn, kẻ tội tở, ta ăn nói khoan-hoà, lấy lời dịu dàng chỉ bảo cho người ta được hải lòng, đó chính là thanh-thí.

Hương-thí. — Ta ở đâu ta làm chốn ấy sạch sẽ, không có mùi ô uế để cho những người cùng với ta hoặc những khách qua đường khỏi phải ngửi hơi thối, đây tức là hương-thí, chứ không phải cứ có hương hoa đem cho người ta ngửi mới là hương-thí đó. Sự bố-thí này thực là dễ, mọi người đều có thể làm được, mà lại được công quả hơn những ai ai đem tắm gội nước hoa vào người, vì thường những người ấy làm như vậy là vì mình, hoặc vì một ý-trung nhân của mình, chứ không phải vì đại-chúng.

Vị-thí. — là đem phẩm thực cung cấp cho người khác, nhưng cốt phải vì tấm lòng chân thành, tấm lòng lân-tuất mới là bố-thí được. Như ta ăn miếng ngon, có kẻ khác đến nhà ta, muốn người ấy cũng được biết cái ngon như ta mà đem mời ăn, thế là bố-thí, song nếu ta đem mời cốt ý để khoe khoang thì lại không thực là bố-thí, lại không được công quả. Lại như ta chần cấp cho kẻ khác, dù một ly một tý, tùy tài tùy lực mình nhưng cốt là vì lòng thương xót thì mới là bố-thí. Nếu chần cấp cho kẻ khó, mong hưởng báo thì lại thành vị mình, chứ không phải vị kẻ khó nữa. Như thế cũng không được là bố-thí.

Đến những hạng người chần cấp cho những kẻ khó để mưu đồ danh-lợi thì quyết không phải là bố-thí chút nào. Những hạng này phí ra trăm nghìn mà vị tất đã được quả phúc bằng người nghèo khổ thương nhau cứu nhau một vài đồng trinh.

Súc-thí; — Súc-thí là bố-thí các sự thuộc về thân-thể chúng sinh, như làm cầu quán cho người ta trú ẩn khi mưa khi nắng, giồng cây cho người ta nghỉ mát, cấp quần áo chần chiếu cho kẻ nghèo khó, cấp thuốc thang cho kẻ ốm đau đều là súc-thí.

Ta thấy kẻ khác làm công việc nặng nhọc, hoặc thấy con trâu, con bò, con lừa, con ngựa kéo nặng, ta giúp sức vào

cũng là súc-thí. Ta mang con chó, con lợn; con ngỗng, con vịt, con gà, con chim, chớ trói chân hoặc buộc cánh xách ngược lên, chớ làm cho nó phải đau khổ, đó cũng là bố-thí. Ta có kẻ ăn người làm với ta, ta tìm cách cho họ bớt nặng nhọc, tránh cho họ những cái vất vả vô ích để họ được thảnh thơi, thế cũng là bố-thí.

Thưa các ngài, sự súc-thí này không phải có tiền tài mới làm được, miễn là có chút lòng thương người, thương vật thì bố-thí được hàng ngày.

Pháp-thí. — Là điều khó hơn cả, mà không phải ai cũng làm nổi. Pháp-thí tức là đem giáo lý của nhà Phật ra giảng giải cho người ta nghe, cho người ta hiểu được đạo lý của nhà Phật ít nhiều.

Duyên là chúng sinh vốn khổ vì vô-minh, vì tối tăm không biết rõ thế nào là phải trái, không phân biệt điều lành điều chẳng lành được đích xác, cho nên thường ăn ở sai lầm, phạm vào tội lỗi, phải trụ trong vòng luân-hồi. Thế mà đem kinh sách ra giảng giải, khuyến-hóa được người khiến cho người biết phân biệt tà, chính, thị, phi, thì công đức ấy thực là to nói không hết được.

Đây tôi xin lược dịch một vài đoạn trong kinh «Kim-cương» chỗ Phật nói về bố-thí cho môn-đồ là ông Tư-bồ-đề (tức là đạo thiện-hiền) để cùng nghe.

Phật nói : này ông Tư-bồ-đề, nếu mà vị bồ-tát nào trong tâm còn có ngã-tướng, nhân-tướng, chúng-sinh-tướng, thọ-gia-tướng tức là chưa thành được bồ-tát.

Tôi trộm giải nghĩa rằng : các vị bồ-tát tất phải là những vị rất trong sạch, không còn chút mây may trần-dục dính vào; nếu trong lòng còn tham điều tí tí gì, tức là vy-kỷ, là đã phạm vào ngã-tướng rồi; nếu trong lòng giận giữ một tí gì thì đã phân biệt ra thân người khác, là đã phạm vào nhân-tướng rồi; nếu mong mới được sinh lên các cõi trời thì đã phạm vào chúng-sinh-tướng rồi; nếu luyến ái một sự gì tức là mong sống lâu thì đã phạm vào thọ-gia-tướng

rồi. Trong bốn điều ấy mà còn vương vào một điều, cũng chưa thành bồ-tát.

Đến đoạn sau Phật lại hỏi : « Này ông Tu-bồ-đề, ý câu này là thế nào ; vì như người có châu-báu xếp đầy cả thế gian mà đem bố-thí, người ấy được phúc đức, nhưng có kể là thực phúc đức không ?

Ông Tu-bồ-đề thưa : « Tâu Đức Thế-tôn, người ấy được phúc đức nhiều lắm, nhưng chưa kể là thực phúc đức. »

Phật lại hỏi : « Vì như có người đem kinh Kim-cương này ra thụ-tri (đọc và suy nghĩ) cho hiểu thấu bốn câu kệ : vô-nã-tướng, nhân-tướng, chúng-sinh-tướng, thọ-giả-tướng, rồi đem diễn giảng cho kẻ khác hiểu thì người này được phúc đức hơn kẻ có của bố-thí kia. Tại làm sao vậy ? Này ông Tu-bồ-đề ; là bởi nhất-thiết chư Phật đạo vô-thượng chính giác đều bởi đọc kinh kim-cương mà thành được »

Thưa các ngài, đây là Phật nói pháp bố-thí thì công đức to lớn vô lượng.

Vậy tôi xin cầu Phật-tổ phù hộ cho các vị sư đây cùng các thiện-nam tín-nữ, đều biết đề tâm vào việc bố-thí, các đường bố-thí đều có ảnh hưởng sâu xa đến tư cách con người ta và đến cuộc tiến-hóa của xã-hội ; xã-hội ta đương cần tiến hóa nên ta lại càng phải đề tâm đến việc bố thí lắm vậy.

Như pháp-thí thì khiến người đời hiểu dần dần đạo lý nhà Phật mà tỉnh ngộ, không bị lừa dục hun đốt khổ khổ trong lòng ; không say đắm danh-lợi, đến nỗi chịu xi-nhục mất cả tư cách con người.

Pháp-thí tức là mở đường diệt khổ cho chúng sinh, để được biết cõi yên-vui, biết đem trí tưởng lên tầng siêu việt thanh cao.

Còn như sắc, thanh, hương, vị, xúc bố-thí thì là để giúp cho người ta được no đủ sung sướng mọi bề.

Thưa các ngài thử suy nghĩ xem : một người nghĩ đến sắc thí, thì đối với người khác tất phải giữ lấy vẻ mặt tư

nhiên, khiêm-tốn, tươi-cười; nghĩ đến thanh-thí tất phải ăn nói dịu dàng, phải tránh những giọng chua cay, nhưng nhời độc ác; nghĩ đến hương-thí thì tất phải ăn ở sạch sẽ; nghĩ đến vị-thí thì tất phải bớt ăn tiêu, bớt sa-sỉ để cứu cấp kẻ nghèo túng; nghĩ đến súc-thí thì tất phải khoan-dùng đối với loài vật, giúp đỡ mọi người, thương xót súc-sinh. Xin các ngài xét như vậy có phải chỉ vì một lòng bố-thí mà ta có thể nên người hoàn toàn, ở đâu thời đấy được vui vẻ, ở đâu thời đấy được nhờ cậy, thành một người ích lợi cho gia-đình, ích lợi cho xã-hội.

Tôi xin hỏi các ngài : nếu một nước mà được nhiều người gia tâm bố-thí, thời nước ấy có thịnh vượng hay không, người nước ấy có thái-bình vui vẻ hay không ?

Vậy thì cái nghĩa-vụ của chư-tăng, và của nhân viên trong hội Phật-Giáo, và của tất cả mọi người phải thế nào? Tôi tưởng không cần phải giải thuyết giải.

Chữ bố-thí của nhà Phật tức như chữ nhân 仁 của Khổng học, đem ra thực hành không sai chút nào.

Sau hết, tôi xin nói đến bậc bố-thí « tuyệt-vời » của nhà Phật là Vô-úy-thí.

Vô-úy-thí là đã bố-thí thời không liếc gì, không sợ gì, cốt là cứu được vận mệnh cho chúng-sinh thì thôi. Nếu cần phải bố-thí cái cánh tay, thời cắt cái cánh tay; nếu cần phải bố-thí cái chân thì cắt chân đi; nếu cần phải bố-thí con mắt thì khoét mắt đi; nếu cần phải bố-thí cái đầu thì chặt đầu đi, thế là Vô-úy-thí.

Tôi xem sách nói : xưa kia một kiếp đức Phật còn tu hành chưa thành chính-quả, một hôm, Phật đi cùng với môn-dồ qua một khu rừng rậm, chợt nghe thấy hổ gầm thét, ghé khiếp, Phật cùng môn-dồ lại xem, thấy ở chân núi sâu thẳm một con hổ cái, đi với hai ba con hổ con đang ở trong một cái vực cùng đói khát kêu gào, Phật động lòng thương xót, bảo môn-dồ tìm thực-phẩm cho hổ ăn, nhưng đường đi xa, tìm mãi không thấy, môn-dồ trở lại, đức Phật thấy con hổ cái dè con hổ con ra cắn đê ăn thịt, Phật thương

xót không cầm lòng được bèn lăn mình xuống vực, hoá đi cho hồ ẩn. Khi các tông-dồ trở lại thì chỉ còn thấy mùi hương thơm nức cả khu rừng, ấy Vô-úy-thí là thề.

Trong đời ta cũng thường thấy việc Vô-úy-thí : như người nhảy vào lửa cứu người bị cháy, nhảy xuống sông cứu kẻ đắm đuối cũng là Vô-úy-thí cả.

Vậy thời không phải riêng những bậc bồ-tát mới làm nổi Vô-úy-thí.

Người đời vì nghĩa vụ, vì lòng cứu vớt chúng loại mà chết cũng là Vô-úy-thí, cũng được sánh vào bậc bồ-tát cả, ta chớ quên. Nhưng tôi không giám yêu cầu các ngài, ai ai cũng gặp dịp phi-thường, mà cũng làm nổi Vô-úy-thí. Tôi chỉ mong sao các ngài đừng tâm làm việc bố-thí hàng ngày, thời cũng đã được quả phúc vô ngần, cũng đã bỏ ích cho xã-hội ta, bỏ ích cho cuộc tiến hoá của nước ta một cách rất đích đáng.

Tôi thiết nghĩ : Ai mà lúc lâm chung nói được rằng : « Tôi đã bố-thí cả một đời tôi, » Người ấy tức là bậc bồ-tát vậy.

NAM-MÔ-A-DI-ĐÀ-PHẬT



Ông Tri-huyền, tác-gia kinh Thủy-xám

(Trích trong bài giảng của sư ông Đổ-chân-Bảo giảng tại chùa Quán-sứ)

.....Kinh Thủy-xám là một bộ kinh rất giản-dị và thiết-yếu cho sự bảo an độ-vong. Ta thường thấy trong khi truy-tiến bảo an độ-vong, đầu cho đâm lăm to nhỏ thế nào mặc dầu, cũng không bỏ được kinh Thủy-xám.

Kinh Thủy-xám không phải chính Phật thuyết pháp ra, bản chữ Phạm không có, toàn nước Ấn-độ cũng không có, thế mà cũng được nhập vào đại-tạng, công-dụng rất nhiều.

Đây tôi xin nói về cái duyên-khởi từ đầu mà phát-xuất ra bộ kinh Thủy-xám này.

Nguyên kinh này phát-xuất ra ở nước Tàu. Cách đời đức Thích-ca vào khoảng 1700 năm, thuộc về cuối đời nhà Đường. Có ông Tri-huyền Pháp-sư, khi ông còn nhỏ, ông thường học «hạ» ở một ngôi chùa khá to, trong sách không nói rõ là chùa gì, trong số chúng-tăng ngồi «hạ» với ông, có một ông lão-lãng bị cái bệnh Ca-ma-la tức là bệnh ác-phong, cả chùa ai cũng ghét-bỏ không ai dám gần, duy có ông Tri-huyền là ngày đêm trông-nom săn-sóc giúp đỡ thuốc thang mọi việc, đến khi mãn «hạ», ông tăng có bệnh kia cầm cổ tay ông Tri-huyền mà nói rằng: «Tôi cầm túm lòng cao nghĩa của ông, bao giờ quên được, sau đây tôi ẩn-cư ở núi Trà-lũng Châu Bành, thuộc đất Tây-Thục, chỗ tôi ở ngoài cửa có hai cây thông rất cao làm dấu, còn ông ngày sau hẳn gặp được bước vinh-ngộ, nhưng chớ bao lâu ông lại bị cái bệnh tiền-oan tức-chướng, khi ấy nếu ông chịu khó tìm đến chỗ tôi, tôi có thể giúp ông khỏi được.» nói rồi cùng nhau chia tay mỗi người một ngã.

Từ đấy giờ đi, ông Tri-huyền học hạnh tinh-nghiêm, kiến-văn rộng-rãi, thông thạo cả Bách-gia Chư-sử, tham thấu cả Tam-giáo Cửu-lưu, ông trụ-tri ở chùa An-quốc

chốn kinh-xứ, khai tràng thuyết pháp, kể tặng người tục trong thiên-hạ đời ấy, mộ cái cao-danh học-thức của ông, đến tham thuyền hỏi đạo đông như di chợ. Niên-hiệu Hàm-thông năm thứ 12, vua Ý-tông Hoàng-đế nhà Đường ngự-giá đến chùa ông, hỏi đạo, ông ứng-đổi như nước chảy, vua phải kinh phục, phong cho ông là Ngô-đạt Quốc-xứ, lại ban cho ông một cái bảo-tọa bằng gỗ trầm-hương để ông ngồi giảng kinh thuyết pháp. Ông an hưởng sự vinh-phong của nhà vua, và sự cúng-dâng của dân-việt như thế chưa được bao lâu, thời một hôm ông đương ngồi tự nhiên có giọt nước ở trên đôi xương đầu gối ông, rồi sinh ra cái ung rất lớn đồng như một người, dù cả tai mắt, trong sách thuốc gọi là « nhân diện xang », ông bị cái bệnh ấy đau rức tới xương tủy, cho triệu khắp hết các bác danh-y trong thiên-hạ, không ai chữa được. Sau ông nhớ đến lời ông bệnh-tặng dặn ông trước, một mình ông từ biệt đại-chúng, chống gậy ra đi, ông xa lánh chốn thành-đô, tìm đến đất Tây-Thục. Ông đi trải bao gian-lao vất-vã, mà vườn chưa biết ông tăng kia ở chốn nào. Một hôm giới vừa xẩm tối, ông đi đến một nơi rừng vắng, bốn mặt bàng-hoàng, tuyệt không có dấu người qua lại, ông chợt trông thấy hai cây thông cao tốt ngắt giới, đứng xứng như hai cột cổng, ông cứ thẳng lối mà vào đi một lối khá sâu, thời thấy lâu son gác tia, vàng ngọc sáng choang, ông tưởng có bệnh trước đã đứng sẵn đây đón ông, vui vẻ mời ông vào nhà phương-trương. Ông trông ra thấy chim đẹp, thú lạ, hoa cỏ tốt tươi, cỏ-thụ san-hò, mùi hương bát ngát, thực là . . .

Tiên cảnh-giới, phát cung-đình.

Mỉnq người phúc tuệ, thương mình nghiệp-duyên

Sau khi chủ khách yên ngồi, ông tăng có bệnh trước hỏi ông lâu nay su-huynh vườn bình-an vô dạng hay có sự gì nguy-cấp mà phải mạo-hiềm tới đây. Ông vội đem bệnh-tình của ông bày tỏ, xin ngài nghĩ tình tri-ngộ ngày xưa mà trừ lòng cứu giúp. Ông tăng kia nói sự ấy không lo, rồi dẫn ông đến góc núi, có cái suối trong mát lạ thường, dục ông múc nước suối này mà rửa, ông vâng lời cầm gáo toan dội, thời tự-nhiên chỗ lở trên gối ông nói ra tiếng người mà

rằng : « Hằng thư thả đã, không nên rửa vội, để ta nói cái oan khuất nhiều đời của ta cho mà nghe. » Ông cũng lẳng lẳng nghe, thì thấy chỗ lở ấy nó nói rằng : « Ông là người học rộng biết nhiều, hẳn ông xuất việc đời xưa đời nay, ông đọc sách Tây-Hán, có biết truyện người Viên-Âng diệt người Tiều-Thổ không ? Vì lời tiến-ngôn của người Viên-Âng mà người Tiều-Thổ bị nhà vua dụ ngầm xang đất Đông-thị bắt thụ-hình, như thế có nên thù oán nhau không, Âng tức là ông, mà Thổ tức là ta, thế thời cái oan ấy ông nghĩ sao. Bởi vì ông mười đời làm cao-tăng, giới-luật tinh-nghiêm, cho nên cái oan khuất của ta nhiều đời vưỡn chưa báo được. Nay nhân ông được ân-sủng quá hậu, nhân sự vinh-hoa mà ông sinh lòng tự cao để tồn đức. Ta thừa cái cơ ấy mà mới báo được ông. Nhưng nay nhờ có đức Ca-nhã Tôn-giá cho ông dọt nước « từ-bi tam-muội » để rửa cái lòng oan-khuất nhiều đời của ta, thời thôi, từ đây gỡ đi, đối với ông, ta không còn thù-hấn chi nữa. » Ông nghe đoạn vừa cảm gáo vừa rội một gáo nước, thời đầu buốt lạ thường, chết ngất đi rồi lại sống lại, thế là chỗ lở của ông liền khỏi. Ông ngảnh lại thời không thấy ông tăng kia và chùa cảnh chi cả. Ông mới biết đó là bậc Bồ-tát ứng-hiện ra để cứu ông. Ông liền lấy cành cây cắm ghi chỗ ấy, rồi ông dựng cái am con để kỷ-niệm.

Sầu có người làm thành chùa. Đến niên-hiệu Chi-đạo nhà Tống, sắc tứ sửa lại và đặt tên là chùa Chi-đức, tới nay hải còn, thuộc châu Bành, huyện Mộng-dương. Sau ông về nghĩ lại sự oan báo của mình, may gặp bậc Thành-nhân mà khỏi đã xong, còn như người đời sau, nếu gặp sự oan báo thời sao ? nhân mình mà thương đến người, ông mới thuật trong ba tạng kinh mà làm ra bộ kinh này gọi là kinh « Thủy-xám » 水懺 « Thủy » nghĩa là nước, dấu cho nhớ hẳn đến đầu, lấy nước mà rửa cũng phải sạch, còn « xám » nghĩa là cầu-xám ăn-năn, dấu cho tội lỗi đến đầu biết đường xám hối thời khỏi, ấy từ đấy mà bộ kinh *Thủy-xám* ra đời



LUẬN-DÀN

Lễ kết hôn trước cửa Phật

Người ta ở đời mà sở dĩ đáng quý hơn vật-loại là vì biết chừa ra lễ-vấn đề làm tôn-trọng về-vang cho cái sống của mình, Tức như lấy vợ lấy chồng có lễ hôn. Người ta trong một đời, duy có lễ hôn là quan-thiết đến bản-thân hơn cả. Vậy đối với lễ ấy, ta há nên coi làm nhỏ mọn mà cứ phó mặc cho lập tục cầu-thả lưu-hành mãi được dư.

Lễ hôn ở Việt-nam ta, xưa nay có hai tiết là, lễ đến rước dâu phải làm lễ bái yết gia-tiên nhà vợ, dâu về tới nhà chồng phải làm lễ bái yết gia-tiên nhà chồng. Đoạn rồi hai vợ chồng cùng nhau làm lễ tế tơ hồng.

Lễ bái yết gia-tiên hai nhà là theo Nho-giáo đối với cái quan-niệm gia-tộc, phụng tiên tư hiếu 奉先思孝, thực là biết ơn, chịu mệnh một cách rất châu-đáo. Còn lễ tế Tơ hồng là theo cái thuyết số-mệnh của phái Đạo-sĩ, cảm ơn vì Thiên-tiên đã xe duyên cho nên vợ nên chồng. Xét ra nó chỉ như cái cách đem quà mà biếu người làm mối mà thôi, không có nghĩa-lý gì đáng làm giáo hoá.

Lễ tế Tơ-hồng không đủ giáo-hoá thì ta nên bỏ, còn lễ bái-yết gia-tiên có nghĩa-lý thiết-thực thì ta nên giữ. Song ngoài cái lễ bái-yết gia-tiên ra không có lễ gì nữa, thì cái quan-niệm kết hôn của người đời chỉ loanh-quanh trong cái tư-tưởng nối giới tông-đường của một nhà, e không khỏi còn hẹp-hòi lắm.

Gần đây, Nhật-bản, nước cùng một lễ giáo với ta, người ta đã nghĩ cách bỏ cái khuyết-diểm đó của lễ hôn rồi. Lễ hôn ở Nhật-bản bây giờ, sau khi bái-yết gia-tiên hai nhà rồi người tin thần-đạo (Thờ các thần trong nước) thì làm lễ kết-hôn ở trước Thần-cung giống như đình làng của ta, người tin Phật-giáo thì làm lễ kết-hôn ở trước cửa điện Phật tức là trong chùa. Làm lễ trước Thần-cung là để cảm-

hoá về cái quan niệm quốc-gia, làm ở trước điện Phật là đề cảm-hoá về cái quan-niệm xã-hội. Khi làm lễ kết-hôn ở nơi nào thì người ta đem cái nghĩa luân-lý làm người trong bản-giáo đã dạy ra thế nào mà giảng bảo cho đôi vợ chồng mới ấy nghe, đôi vợ chồng mới ấy thì khấn nguyện hoặc tụng niệm và phát thệ xin ăn ở cùng nhau cho trọn đời.

Người Nhật lấy làm hoan-nghênh hai lễ này lắm, mới khởi xướng ngoài mười năm nay, mà nay đã lưu-hành khắp nước. Vậy cùng một việc cùng một ý muốn đời mới, người Nhật đã làm, ta há không nên làm hay sao. Song đình miếu của ta, còn bị cái phạm-vi hương-âm chặt-hẹp nó bó buộc, chưa tẩy trừ được nhiều hủ tục trong đó, chưa có thể dùng được. Duy có trong chùa là nơi tự-do bình đẳng, rất tiện cho người ta.

Nay nhân phong-trào Phật giáo đang thịnh, tiện dịp ta hãy nên cử-hành lễ kết-hôn trước cửa Phật đã. Còn phần nghĩa lý, người Nhật tự có chỗ chứng-giải của họ, ta cũng phải tự có chỗ chứng-giải của ta, thì việc ta làm tuy sau người mà không phải là toàn-nhiên nhắm mắt theo liều kẻ khác.

Việc đem lễ kết-hôn vào cửa Phật này tuy là việc mới, nhưng tôi quyết không phải là một việc cưỡng ép gì, Đạo Phật tuy là đạo xuất-thế-gian, song Phật độ cả hai phái đệ tử là xuất gia và tại gia.

Đối với bên xuất gia, muốn cho được sạch mình thoát tục để hết sức làm việc đạo, nên Phật cấm tất cả ni không cho hôn giá. Còn đối với bên tại gia là người còn phải ở làm việc đời thì Phật để cho họ thuận theo cái tính tự-nhiên mà không hề phân đối sự hôn-nhân của họ bao giờ. Thế cho nên trong những kinh như Địa-tạng, Bảo-ân, Lục-phương lễ và thuyết Tứ ân v.v. Phật ân-cần dạy cho người ta biết những đạo làm cha, làm con, làm vợ, làm chồng, làm người dân phải lo báo ơn đất nước. Cui đó biết Phật không những không phân đối mà Phật lại còn chau-dõi vào cho những điều luân-lý bởi hôn-nhân mà có.

Nay ta muốn tuyên-dương đạo Phật, đợi đến khi gặp những việc đã lỗi đạo làm cha, làm con, làm vợ, làm chồng

làm người dân rồi mới dạy thì quá muộn mất rồi, chỉ bằng
nhân cái dịp đôi lứa thiếu niên mới hợp ước cùng nhau lo
làm những nghĩa-vụ đó, đối trước cửa Phật, mà dạy sớm
đi cho họ, chẳng càng thắm-thía hơn dư.

Vả tục ta thường hề đôi vợ chồng nào ché nhau thì đem
vào chùa tâm lễ cưới lại. Cưới lại chỉ là một kế phương-
tiện mà còn làm được, thì lễ cưới chính-thức này là dịp thực-
hành giáo hoá sao không làm được. Cho nên tôi nói việc
làm lễ kết-hôn trước điện Phật, thực là một dịp giảng đạo
rất hay.

(Còn nữa).

ĐỒ-NAM-TỬ

MỪNG BÁO « ĐUỐC TUỆ »

Rõ ràng cửa thiện ác.
Soi tỏ đường ngay cong.
Bền mê diu khỏi lối,
Bề khổ dặt qua giòng.
Ấy là báo « Đuốc Tuệ »,
Chói lợi như vừng đông.

Hỡi ơi nời Lạc Hồng,
Hỡi ơi giếng Tiên, Rõng.
Rủ nhau đọc « Đuốc Tuệ »,
Đuốc Tuệ ta soi chung.
Chúng ta sẽ thành Phật,
Thành Phật tại trong lòng.
Lòng ta sáng như đuốc,
Tức là Phật trên không.

NGUYỄN-THIỆN-CHÍNH
Tri-huyện Văn-lâm

Diệt già câu chân

Lénh-dênh trong cõi Diêm-phù,
Đém khuya đặng đặng mịt-mù bốn phương
Mang thân từ đại (1) vô thường,
Vào nhà ngũ âm (2) ngồi đờng bát phong (3).
Hiu hiu gió thổi bên lòng.
Lửa tham dục bùng bùng bùng bốc lên,
Tâm hồn như đại như điền,
Rước ngay lũ giặc nhận liền làm con (4).
Sớm khuya lặn suối trèo non,
Tìm hoa ngũ dục để con chơi bời.
Sắc, thanh, hương, vị dù mùi,
Ngày ngày say đắm, đời đời mê man.
Đa mang những sự nhỡn liền,
Gây nên nghiệp báo tội khiên đời đời.
Hóa sinh sinh hóa đời đời,
Trong vòng lục đạo đờng ngời lao nhao
Nổi mình cay đắng xiết bao,
Thoát vòng địa-ngục mắc vào tu-la.
Khi súc-sinh lúc quỷ-ma,
Vào trong nhân-đạo đã ra thiên-đờng.
Nghĩ thân xiết nỗi đoạn-trờng,

(1) Đất, nước, gió, lửa hợp lại thành thân, khi hợp khi tan. không có gì là nhất-định.

(2) Sắc, thụ, tưởng, hành, thức, vì năm thứ độ mới gây thành thân này.

(3) Lợi, suy, chê, khen.

(4) Tự nhận xác thân này là của mình, kỳ thật sáu căn (mắt, tai, mũi, lưỡi, thân, ý) làm hại mình rất nhiều cũng như giặc không khác.

Nhân làm bào, ảnh, chớp, sương, bấy chầy.
Xác phàm nay muốn đổi thay,
Lửa tam độc (1) phải lánh ngay chỗ gần
Đường bát chính (2) gột chân thân,
Lối về ngàn giác đã gần tới nơi.
Khi vào nhà đức Như-lai,
Ăn cơm thuyền duyệt ngồi đài pháp không.
Trống vơi bề trí mênh mông,
Long lanh đáy nước giăng lồng bóng gương.
Ưu du trong cảnh chân thường,
Khi hồ bát đức, khi vườn giác hoa.
Tháng ngày thơ thần vào ra,
Trông gương bát-nhã, xem hoa bồ đề.
Tiếng đàn thánh-thốt xa nghe,
Khúc minh-tâm khéo họa về linh không.
Trần duyên chẳng chút vướng lòng,
Pháp-thân tự tại ngoài vòng tử sinh.
Bấy giờ tùy bản-nguyện mình.
Theo gương chư Phật độ sinh đời đì.

Sa-môn TRÍ HẢI



(1) Tham, sân, si, độc hơn lửa cháy.

(2) 1· Chính kiến, 2· Chính tư duy, 3· Chính ngữ, 4· Chính nghiệp. 5· Chính mạnh, 6· Chính tinh tiến, 7· Chính niệm 8· Chính định.

PHẬT-HỌC DANH-TỪ

佛學名詞

- A-di-dà Phật** 阿彌陀佛 (Tiếng phạn : Amita) = Tên hiệu một đức Phật Giáo chủ cõi đời Cực-lạc phương Tây « A » là vô, là (không), « di-dà » là lượng (lượng biết), nghĩa là đức Phật trang thọ vô lượng 無量壽, quang-minh vô-lượng 無量光明.
- A-la-hán** 阿羅漢 (Tiếng phạn : Arhàn) = Hiệu một ngôi thánh bậc nhất trong bốn ngôi thánh Tiểu-thừa : « A-la » là giặc, « hán » là giết, nghĩa là bậc đã giết hết được mọi giặc phiền-não để vào cõi nát-bản.
- Bồ-đề** 菩提 (Tiếng phạn : Badhi) = Đạo, giác, biết.
- Bần-đạo** 貧道 = Hiệu thầy tu tự xưng, « Kê tu đạo nghèo khó này »
- Chúng-sinh** 衆生 = Những giống có tình-cảm.
- Chân-như** 眞如 = Bao giờ cũng vẫn chân thực như thế, tức là bản-thể, là tự-nhiên.
- Công-đức** 功德 = Có công-lao, có ơn-đức.
- Danh-lam** 名藍 = « Lam » tiếng phạn : (Arama) tức là vườn, chùa, nói đủ thì là « Tăng-già lam-ma 僧伽藍摩 Saingharama », hay là « Già-lam 伽藍 », tức là chỗ vườn hay là tự-viện của chúng tăng cư-trụ. Đây nói danh-lam tức là chỗ chùa viện có tiếng.
- Dũng-mãnh** 勇猛 = Mạnh-bạo, một đức-tính tốt của Phật.
- Hi-hữu** 希有 = Hiếm có.
- Từ-bi** 慈悲 = Chủ-nghĩa đối với chúng-sinh của Phật, từ là lành, muốn cho chúng-sinh khỏi khổ, bi là thương, thấy chúng-sinh khổ mà thương xót.
- Tự-tại** 自在 = Bao giờ cũng tự-nhiên yên ở như thường.
- Tam-tạng** 三藏 = Ba kho sách của Phật là kinh-tạng luật-tạng và luận-tạng.
- Tăng** 僧, **Tăng-già** 僧伽 (Tiếng Phạn : Samgha) = chúng, = 衆 chính phép từ năm người thầy tu trở lên họp lại mới được gọi là tăng hay là tăng-già, tăng-chúng Nhưng thường thì một thầy-tu cũng xưng là tăng.
- Tam-bảo** 三寶 = Ba thứ quý báu là Phật, pháp và tăng.

VIỆC THẾ - GIỚI

Về việc Ý, Á chiến tranh, dự-án hòa-giục do 2 Chính-phủ Anh Pháp thảo ra đã bị hoàn-toàn thất-bại, chẳng những Ý và Á đều không ưng thuận hẳn, ngay ở nghị-viện Anh và Pháp cũng không được đa số tán thành; các nước ở hội quốc-liên cũng nhiều nước phản đối cho là bản dự-án ấy thiên vị cho Ý quá. Hiện nay Ý với Á vẫn đánh nhau kịch-liệt. Có tin nói quân Á đã lấy lại được Makallé (Ma-ca-dê), lại kéo tới đánh quân Ý ở miền Abbi-Addi. Quân Ý vẫn dùng máy bay ném bom phá hoại mọi đồn quân rất lớn của Á. Nhất là trận đánh nhau ở gần Degaisba (Đê-gê-t-sai) suốt ba đêm ngày thật là dữ dội, quân Ý phải rút về nam-bộ Axoum (A-xum).

— Hội-nghị chính-trị miền Hoa-bắc đã thành lập, Tổng-triết-Nguyên làm chủ tịch hội nghị ấy. Chính-phủ Tàu muốn nhận cho miền Hoa-bắc tổ-chức ra hội-nghị chính-trị riêng là để chiêu theo ý muốn của người Nhật. Nhưng người Nhật vẫn chưa mãn nguyện, cứ muốn lấy cả năm tỉnh Hoa-bắc làm một nước biệt lập hẳn với Chính-phủ Tàu, đem binh-lực chiếm lấy hai thành Bắc-xương và Cô-Nguyên của Tàu; quân Tàu cực chẳng đã phải tiến đến phản công, lấy lại được 2 thành ấy. Học-sinh Tàu biểu tình kháng Nhật; hơn 200 học-sinh ở Thiên-tân đi bộ về Nam-kinh đưa thư xin Chính-phủ kháng Nhật; học-sinh ở Quảng-đông cũng vận-động kháng Nhật.



VIỆC TRONG NƯỚC

24 Décembre ở phố Chũ, huyện Lục-ngạn, Bắc-giang xảy ra một trận hoả-tai, 52 nóc nhà bị thiêu. Sự khổ sở đói rét của các nhà bị cháy ở đây cũng không khác gì các nhà bị cháy ở khu nhà Diêm, Hà-nội.

■ 25 Décembre, có tin bão ở Nha-trang về phía bắc chừng 280 độ. Gió thổi về phía nam Trung-kỳ.

■ Quan Thống-Sứ bác việc tăng thuế xe và việc giảm thuế môn-bài và thổ-trạch ở Hà-nội, như vậy thì thuế môn-bài và thổ-trạch trong thành phố Hà-nội về năm 1936 sẽ vẫn như cũ. Thuế xe cũng vẫn mỗi tháng có 2\$50 mà thôi.

■ Kể từ đầu năm 1936, quan Trung-kỳ sẽ chia làm hai ngạch : các quan về văn-ban, võ-ban, giáo-ban, về ngạch nghi-lễ, ngạch chuyên-môn và ngạch lục-sự đều thuộc về ngạch hiện định (service actif) cả ; chỉ có các quan về Khâm-thiên-giám và thái-y-viện thì thuộc về ngạch thường trú (service sédentaire). Ngạch hiện dịch thì làm đủ 25 năm được về hưu. Ngạch thường trú thì làm đủ 30 năm mới được về hưu.



Công việc tiến hành của hội Phật-Giáo

Ngày 18 Novembre 1935 ban Quản-trị họp hội-đồng tại hội-quán bàn những việc sau này :

1 — Duyệt-y trương-trình ngày lễ dẫn Phát Di-đà của ban Khánh-tiết.

2 — Hội-đồng nhờ cụ Trung-hậu xira hộ quả ấn Thuyền-già Pháp-chủ bằng bạc trên có con xâu chẽ sao cho thực mỹ-quan.

3 — Ông Trần-văn-Giáp xin hội-đồng lưn tâm đến việc lập thư viện, cụ Trung-hậu xin đem việc này ra bàn tại hội-đồng chur-tảng ngày 19 Novembre 1935, hội-đồng công nhận.

Tin các ban đại-lý hội Phật-giáo ở các địa-phương thành lập

Ngày 1^o Décembre tức là ngày 6-12 năm út-hợi ban đại-lý hội Phật-giáo Sơn-tây thành lập.

Chánh đại-biểu bên trong : Sư cụ chùa Sài-sơn hiệu Như-tùng, chánh đại-biểu bên ngoài-hộ : cụ Hiệp-tá đại-học-sỹ Tổng-đốc tri-sỹ Nguyễn-văn-Bản.

Hội-quán đặt ở chùa Linh-sơn phố mới Sơn-tây.

Trường học đặt ở chùa Mỹ-hội, phố Mỹ-hội Sơn-tây.

Phương-danh những vị phát tâm cúng làm chùa Hội-quán

Sư cụ tổ chùa Liên phái	60 \$ 00
Sư cụ tổ chùa Bằng-vọng	50 00
Ông phó đại-biểu Trần-xuân-Gính	30 00
Ông Vũ-đình Cảnh, 429, Bạch-mai	10 00
Sư cụ tổ chùa Bộc	10 00
Ông chánh Nguyễn-văn-Văn	20 00
Bà Vũ-thị-Năng, Khương-thượng	10 00
Ông Phạm-huy-Xuân, 300, Bạch-mai	5 00

KÍNH TRÌNH CÁC GIÁO-HỮU HỘI-VIÊN HỘI PHẬT-GIAO

Báo « Đuốc Tuệ » của hội ta ân-hành là cốt diễn dịch những kinh sách nhà Phật để cho hội-viên trong hội cùng hiểu thấu giáo-lý mà tu-hành. Báo ra mỗi năm 52 quyển, hội chỉ lấy vừa đủ tiền in có một đồng bạc: ai cũng nên và cũng có thể mua xem được cả. Hội đã gửi biểu các ngài quyền nhất. Nếu đến quyền thứ hai mà ngài nào không gửi lại thì xin cứ ghi tên vào sổ mua báo rồi trong một vài tháng ngài sẽ gửi tiền ở ông chánh đại-biểu địa-phương ngài giả cho.

TIN CÁC HỘI-VIÊN QUÁ CỐ

Những Hội-viên viên-tịch ghi qui-linh phươg-danh như sau này, bản hội đều đã cử đại-biểu đưa lễ đến tang-gia viếng và cử ban Hộ-niệm đi tiếp dẫn Tây-qui khi tổng chung. Nay hiện thờ các linh-vị tại chùa Hội-quán Trang-ương hoặc địa-phương, tới tuần « tứ-cửu » vị nào, Hội đều làm lễ siêu-độ Bà Nguyễn-thị-Xuân 63 tuổi ở số 42 rue Lạch-tray, Hải-phòng quy-tịch ngày 17-2 năm Ất-hợi (21 Mars 1935).

Đình-thị-Nhiều 38 tuổi ở số 70 Amiral Courbet, Hải-phòng quy-tịch ngày 6-4 năm Ất-hợi (6 Mai 1935).

Quan-thị-Nhẫu 34 tuổi ở số 277 Maréchal Pétain, Hải-phòng quy-tịch ngày 9-4 năm Ất-hợi (11 Mai 1935).

Nguyễn-thị-Qúy 53 tuổi ở số 76 phố Chợ-con, Hải-phòng quy-tịch ngày 1-6 năm Ất-hợi (Aoùt 1935).

Nguyễn-thị-Mỹ 77 tuổi ở số 163 ngõ Lý-thành Hải-phòng, quy-tịch ngày 23-9 năm Ất-hợi (20 Octobre 1935).

Ông Trịnh-đình-Giương 60 tuổi ở số 136 chợ Cột-đền Hải-phòng quy-tịch ngày 26-9 năm Ất-hợi (23 Octobre 1935).

Nguyễn-xuân-Hoàng 66 tuổi, ở quán Bà-mẫu, Hải-phòng quy-tịch ngày 11-10 năm Ất-hợi (6 Novembre 1935).

Đương-thị-Cúc Hiệu diệu Chúc 66 tuổi ở phố Đông-hóa Hải-phòng quy-tịch ngày 15-10 năm Ất-hợi (10-11-1935).

Ông Trần-văn-Tuệ 61 tuổi ở làng Long giám phủ Nam-sách quy-tịch ngày 22-10 năm Ất-hợi (17-11-1935).